

Số: 26/2019/QĐST-DS

Mỹ Đức, ngày 03 tháng 10 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 45/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T.

Địa chỉ: 266 – 288 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số 205 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền đứng đơn khởi kiện: Ông Hoàng Xuân Tòng – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Giảng Võ - Sacombank.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Hoàng Long – Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro (Theo Giấy ủy quyền số 09/2019/GUQ-CNGV ngày 21/6/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T – chi nhánh Giảng Võ).

- *Bị đơn*: Ông Đình Phúc B, sinh năm 1963.

Bà Hoàng Thị Ch, sinh năm 1965.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội , thôn Vạn Ph, xã Vạn K, huyện Mỹ

Đ, Thành phố Hà N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về khoản vay nợ:

+ Khoản vay 1: Ngày 11/8/2017 ông Đinh Phúc B và Hoàng Thị Ch trú tại Thôn Vạn Phúc, xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đã ký hợp đồng tín dụng số LD 1722300012 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T vay số tiền là: 360.000.000đồng (Ba trăm sáu mươi triệu đồng); Thời hạn vay là 96 tháng thời điểm trả hết nợ 16/8/2025; lãi suất 11,5%/năm đối với 06 tháng đầu. sau đó lãi suất có sự điều chỉnh (+) biên độ 04%/năm với định kỳ 03 tháng một lần; mục đích vay: Vay tiêu dùng; Phương thức trả nợ: Nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo phụ lục đính kèm theo giấy nhận nợ.

+ Khoản vay 2: Ngày 01/12/2017 ông B, bà Ch ký hợp đồng tín dụng số LD1733500033 với ngân hàng vay số tiền: 220.000.000đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng); thời hạn vay 60 tháng; lãi suất 11,5%/năm, lãi suất biến đổi; mục đích vay: Vay tiêu dùng, thời điểm trả hết nợ: 02/12/2022; Ngày 02/12/2017. sau đó lãi suất có sự điều chỉnh (+) biên độ 04%/năm với định kỳ 03 tháng một lần. Phương thức trả nợ: Nợ gốc được chia thành nhiều kỳ trả nợ và được trả theo phụ lục đính kèm theo giấy nhận nợ

Tài sản bảo đảm cho hai khoản vay trên là: Là quyền sử dụng đất cùng với các tài sản trên đất của ông B và bà Ch thửa đất số 14, tờ bản đồ 04, tại xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đứng tên ông Đinh Phúc Bình.

Ông B và bà Ch đã ký giấy nhận nợ với ngân hàng 02 khoản vay trên và đã nhận đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình thực hiện hợp đồng ông B và bà Ch đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với 02 khoản vay trên.

Nay ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T thống nhất và thỏa thuận với ông Đinh Phúc Bình và Bà Hoàng Thị Ch, nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 24/9/2019 là:

Khoản vay 1:

Nợ gốc: 303.750.000đồng (Ba trăm linh ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Nợ lãi trong hạn: 29.082.329 đồng (Hai chín triệu không trăm tám mươi hai nghìn ba trăm hai chín đồng)

Nợ lãi quá hạn: 3.797.678 đồng (Ba triệu, bảy trăm chín bảy nghìn, sáu trăm bảy tám đồng)

Tổng cộng: 336.630.007 đồng (Ba trăm ba sáu triệu, sáu trăm ba mươi

ngàn, không trăm linh bảy ngàn)

Khoản vay 2:

Nợ gốc: 179.663.000đồng (Một trăm bảy chín triệu sáu trăm sáu ngàn ba ngàn)

Nợ lãi trong hạn: 16.496.376 đồng (Mười sáu triệu, bốn trăm chín sáu ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Nợ lãi quá hạn: 3.250.019 đồng (Ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn, không trăm mười chín đồng)

Tổng cộng: 199.409.875 đồng (Một trăm chín chín triệu, bốn trăm linh chín ngàn, tám trăm bảy mươi lăm đồng).

Tổng nợ khoản vay 1 + khoản vay 2 là: 536.039.852 đồng (Năm trăm ba mươi sáu triệu, không trăm ba mươi chín ngàn, tám trăm năm mươi hai đồng).

Về phương thức trả nợ:

Ông bà B, Ch phải thanh toán ngay cho ngân hàng đối với phần gốc quá hạn và nợ trong hạn, nợ quá hạn tính đến ngày 24/9/2019 của hai khoản vay trên, cụ thể: Khoản vay 1: Gốc quá hạn là 37.500.000 đồng; lãi quá hạn là 32.205.851 đồng; Khoản vay 2: Gốc quá hạn là 36.670.000 đồng, lãi quá hạn 19.393.071 đồng. Tổng hai khoản nợ phải thanh toán là: 125.768.922 đồng. Ngân hàng yêu cầu ông B và bà Ch phải trả khoản tiền này trước ngày biên bản thỏa thuận này có hiệu lực pháp luật là 100.000.000 đồng, đến ngày 16/10/2019 sẽ trả nốt số tiền 25.768.922 và dư nợ phải trả của tháng 10/2019 đối với 02 khoản vay theo hợp đồng tín dụng này đã ký. Tính từ ngày 17/10/2019 thì ông B và bà Ch tiếp tục được duy trì việc trả nợ định kỳ theo phương thức trả nợ hàng tháng đã ghi trong 02 hợp đồng tín dụng cho đến khi hết hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng số LD1722300012 ngày 11/8/2017 và Hợp đồng tín dụng số LD1733500033 ngày 01/12/2017, đối với phần tiền nợ còn lại của 02 Hợp đồng này sau khi ông B và bà Ch trả cho Ngân hàng đến hết ngày 16/10/2019. (Phần tiền nợ còn lại cụ thể là: 536.039.852 đồng – 100.000.000 - 25.768.922 – dư nợ đến ngày 16/10/2019 đối với 02 hợp đồng tín dụng số LD1722300012 và LD1733500033).

Về xử lý tài sản thế chấp:

Kể từ ngày 17/9/2019, nếu ông B và bà Ch vi phạm 02 kỳ trả nợ liên tiếp thì ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3985/2017/HĐTC-quyển số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/8/2017 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 5961.2017/PL-Quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/12/2017 của Phòng công chứng số 4 – thành phố Hà Nội của ông B và bà Ch gồm quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản trên đất của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 04, diện tích 759m² đã được thay đổi thành thửa số 21, tờ bản đồ số 12, diện tích 892m² đứng tên chủ sử dụng ông Đinh Phúc Bình tại Đội 12, thôn Vạn Phúc, xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của ông B và bà Ch tự nguyện chịu án phí, Ông Đinh Phúc B và bà Hoàng Thị Ch có xác nhận của ủy ban nhân dân xã Vạn Kim về hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên được giảm 50% án phí, số tiền án phí ông B và bà Ch còn phải nộp là 6.360.398 đồng án phí dân sự sơ thẩm. (Sáu triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng, ba trăm chín tám đồng)

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T 12.180.000 đồng số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 02385 ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Đức;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hồng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).